TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK SONG
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2017/DS-ST
Ngày 01/8/2017.
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG, TỈNH ĐĂK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mơ

2. Bà Hứa Thị Nhị

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXX – DS ngày 21 tháng 6 năm 2017; quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2017/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T;

Địa chỉ: Tòa nhà T, phố L, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Tự N – có mặt

Địa chỉ: Lầu 7, 214 Phan Đăng L, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 176/2016/GUQ-TPB.BDH ngày 09/12/2016)

- Ông Trương Công H – có mặt

Địa chỉ: 56/58 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (Văn bản ủy quyền số 176/2016/GUQ-TPB.BDH ngày 09/12/2016)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M – vắng mặt lần thứ hai.

Địa chỉ: Thôn III A3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/12/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần T *(gọi tắt là Ngân hàng T)* và vợ chồng Ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị M ký kết 01 hợp đồng tín dụng số 33-12.15/BTT.DLK/HĐTD/TPbank. Theo đó, hai bên thỏa thuận số tiền vay là 1.000.000.000đ *(Một tỉ đồng)*, thời điểm giải ngân là ngày 04/01/2016, lãi suất trong 12 tháng đầu là 9 %/năm, lãi suất cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng một lần vào các ngày mồng 4 và bằng lãi suất cơ sở 03 tháng + biên độ 4,3 %/năm, lãi suất quá hạn; lãi suất phạt chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay là 60 tháng (từ 04/01/2016 đến ngày 04/01/2021), trả nợ gốc theo 5 kỳ (kỳ 1: 100.000.000đ vào ngày 25/12/2016; kỳ 2: 100.000.000đ vào ngày 25/12/2017; kỳ 3: 200.000.000đ vào ngày 25/12/2018; kỳ 4: 300.000.000đ vào ngày 25/12/2019; kỳ 5: 300.000.000đ vào ngày 04/1/2021) trả lãi 06 tháng/1 lần vào ngày 25. Mục đích vay ông Đ, bà M để trồng xen canh hồ tiêu. Đồng thời, Ngân hàng T và vợ chồng Ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị M có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33-12.15/BTT.ĐLK/HĐTC/TPBANK ngày 31/12/2015. Theo hợp đồng thế chấp ông Đ, bà M thế chấp 03 quyền sử dụng đất của 03 thửa đất: Thửa đất số 7 tờ bản đồ số 35; thửa đất số 13; 16 tờ bản đồ số 35; thửa đất số 101 tờ bản đồ số 30 đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Quá trình vay cho đến nay ông Đ, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào khi đến kỳ trả nợ (vào ngày 25/12/2016). Mặc dù, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/01/2021 nhưng do ông Đ, bà M vi phạm một trong các kỳ trả nợ nên coi như vi phạm toàn bộ hợp đồng. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M phải trả cho ngân hàng số tiền tiền gốc 1.000.000.000đ *(Một tỉ đồng)* và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 174.827.093đ *(Một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba đồng)* và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thi hành xong khoản nợ cho ngân hàng. Nếu ông Đ, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ,

trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thi hành khoản nợ thì ông Đ, bà M phải có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền còn lại cho phía ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông Đ, bà M không có mặt tại địa phương. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp tới nơi cư trú của ông Đ, bà M xác minh, kết quả xác minh thể hiện ông Đ và bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn III A3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông nhưng ông Đ, bà M không sinh sống tại đây. Ông Đ, bà M không cung cấp, cố tình che giấu địa chỉ nơi mình trực tiếp sinh sống nên không biết ông Đ, bà M hiện đang cư trú tại đâu. Tòa án đã thông báo cho ông Đ, bà M biết về việc Ngân hàng T khởi kiện trên phương tiện thông tin đại chúng và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của BLTTDS nhưng ông Đ, bà M vẫn vắng mặt cũng như không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ và bà M tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ, bà M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Tự N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX buộc ông Đ và bà M phải trả số tiền 1.174.827.093 đồng *(Một tỉ một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba đồng)* và yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp nếu ông Đ, bà M không trả được nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật tố tụng dân sự gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án; hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng T, buộc ông Đ và bà M phải trả cho Ngân hàng T số tiền 1.174.827.093 đồng *(Một tỉ một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba đồng)* và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu ông Đ, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 hợp đồng tín dụng, 01 hợp đồng thế chấp, 01 đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, 01 đơn yêu cầu đăng ký thế chấp. Các chứng cứ trên đều được công chứng, chứng thực hợp pháp nên không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần T khởi kiện yêu cầu Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M trả số tiền 1.000.000.000đ *(Một tỉ đồng)* và lãi suất theo hợp đồng tín dụng và nếu trường hợp ông Đ, bà M không trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ nên tranh chấp này được xác định là "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn III A3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Quá trình lập hợp đồng tín dụng ông Đ, bà M cố tình che giấu địa chỉ nơi mình cư trú và lừa dối ngân hàng địa chỉ của mình tại thôn III A3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đắk Nông theo khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS.

[2] Xét hợp đồng tín dụng số 33-12.15/BTT.DLK/HĐTD/TP bank ngày 31/12/2015 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng số 33) HĐXX nhận thấy: Ngày 31/12/2015 giữa Ngân hàng T và vợ chồng Ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị M có ký kết 01 hợp đồng tín dụng số 33-12.15/BTT.DLK/HĐTD/TPbank. Nội dung thỏa thuận số tiền vay là 1.000.000.000đ *(một tỉ đồng),* thời điểm giải ngân là ngày 04/01/2016, lãi suất trong 12 tháng đầu là 9 %/năm, lãi suất cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng một lần vào các ngày mồng 4 và bằng lãi suất cơ sở 03 tháng + biên độ 4,3 %/năm, lãi suất quá hạn; lãi suất phạt chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay là 60 tháng (từ 04/01/2016 đến ngày 04/01/2021), trả nợ gốc theo 5 kỳ (kỳ 1: 100.000.000đ vào ngày 25/12/2016; kỳ 2: 100.000.000đ vào ngày 25/12/2017; kỳ 3: 200.000.000đ vào ngày 25/12/2018; kỳ 4: 300.000.000đ vào ngày 25/12/2019; kỳ 5: 300.000.000đ vào ngày 04/1/2021) trả lãi 06 tháng/1 lần vào ngày 25. Mục đích vay ông Đ, bà M để trồng xen canh hồ tiêu. Sự thỏa thuận giữa Ngân hàng T và ông Đ, bà M là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng tín dụng số 33-12.15/BTT.DLK/HĐTD/TP được ký kết giữa Ngân hàng T với Ông Phạm Văn Đ, bà Trần Thị M là hợp pháp.

2.1 Quá trình thực hiện hợp đồng, đến kỳ đầu tiên trả nợ (vào ngày 25/12/2016) ông Đ, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo khoản 1 Điều 474 BLDS năm 2005. Mặc dù, ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/01/2021 nhưng do ông Đ, bà M vi phạm một trong các kỳ trả nợ nên coi như vi phạm toàn bộ hợp đồng theo quy định tại Điều 292 BLDS năm 2005. Do đó, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M phải trả cho ngân hàng T số tiền gốc 1.000.000.000đ *(Một tỉ đồng)* là có căn cứ nên cần chấp nhận.

2.2 Đối với số tiền lãi trong hạn, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 33-12.15/BTT.DLK/HĐTD/TP ngày 31/12/2015 tính từ thời điểm ông Đ, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/8/2017) là 174.827.093đ *(Một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn không trăm*

chín mươi ba đồng), trong đó lãi trong hạn là 151.370.000đ *(Một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)* và lãi quá hạn là 23.457.093 đ *(Hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba đồng)*, cần buộc ông Đ, bà M phải chịu số tiền trên.

2.3 Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong khoản nợ cho Ngân hàng T là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[3] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33-12.15/BTT.ĐLK/HĐTC /TPBANK ngày 31/12/2015 HĐXX nhận thấy: Để đảm bảo cho khoản tiền vay của ngân hàng T thì ông Đ, bà M thế chấp 03 quyền sử dụng đất của 03 thửa đất: Thửa đất số 7 tờ bản đồ số 35; thửa đất số 13;16 tờ bản đồ số 35; thửa đất số 101 tờ bản đồ số 30 đều tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ngân hàng T yêu cầu nếu ông Đ và bà M không thi hành được khoản nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ. HĐXX xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 33-12.15/BTT.ĐLK/HĐTC /TPBANK ngày 31/12/2015 khi ký kết các bên hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng chứng thực và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ của Ngân hàng T nếu ông Đ, bà M không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thi hành khoản nợ thì ông Đ, bà M phải có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền còn lại cho phía Ngân hàng thương mại cổ phần T là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ngân hàng T được chấp nhận nên Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền 21.800.500đ *(Hai mươi mốt triệu tám trăm nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 184; điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều

292; Điều 471, Điều 474; Điều 715; Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 1.174.827.093 đồng *(Một tỉ một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba đồng)*, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000đ *(Một tỉ đồng)*, tiền lãi trong hạn là 151.370.000đ *(Một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng),* lãi quá hạn là 23.457.093 đ *(Hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn không trăm chín mươi ba đồng)* lãi suất tính đến ngày 01/8/2017.

Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 33-12.15/BTT.DLK/HĐTD/TP bank ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã ký kết sau ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 02/8/2017) cho đến khi thi hành xong khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Trường hợp ông Đ và bà M không thi hành được khoản tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 33-12.15/BTT.ĐLK/HĐTC/TPBANK ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm: Thửa đất số 7 tờ bản đồ số 35; thửa đất số 13;16 tờ bản đồ số 35; thửa đất số 101 tờ bản đồ số 30 đều tọa lạc tại thôn I E29, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thi hành khoản nợ thì ông Đ, bà M phải có nghĩa vụ thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

2. Về án phí: Buộc Ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị M phải nộp 47.244.000đ *(Bốn mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng làm tròn số)* tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 21.800.500đ *(Hai mươi mốt triệu tám trăm nghìn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004012 ngày 19/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thị Hải Âu

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk nông;*
- *VKSND huyện Đăk Song;*
- *Chi cục THADS huyện Đăk Song;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*